

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 11/2014/NQ-HĐND

Hà Nội, ngày 02 tháng 12 năm 2014

46, 48
Mc
Phan
Ta
Khang

NGHỊ QUYẾT

V/v thành lập thôn, tổ dân phố mới trên địa bàn thành phố Hà Nội

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ 11

(Từ ngày 02/12/2014 đến ngày 05/12/2014)

CHỖ VẤN ĐỀ
UBND TP. HÀ NỘI
Ngày đến 12/12
Số đến 393/6

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động thôn, tổ dân phố trên địa bàn thành phố Hà Nội, ban hành kèm theo Quyết định số 50/2013/QĐ-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2013 của UBND thành phố Hà Nội;

Xét đề nghị của UBND thành phố Hà Nội tại Tờ trình số 80/TTr-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2014 về việc đề nghị thành lập thôn, tổ dân phố mới trên địa bàn Thành phố; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế và ý kiến thảo luận của các vị đại biểu HĐND thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Tờ trình số 80/TTr-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2014 của UBND Thành phố về việc thành lập 273 thôn, tổ dân phố mới, gồm 29 thôn và 244 tổ dân phố, như sau:

1. Thành lập 38 thôn, tổ dân phố mới tại 38 khu vực dân cư thuộc địa bàn 11 quận, huyện, gồm: 02 tổ dân phố thuộc quận Đống Đa; 04 tổ dân phố thuộc quận Hoàng Mai; 05 tổ dân phố thuộc quận Long Biên; 10 tổ dân phố thuộc quận Hai Bà Trưng; 02 tổ dân phố thuộc quận Cầu Giấy; 04 tổ dân phố thuộc quận Hà Đông; 04 tổ dân phố thuộc quận Nam Từ Liêm; 02 thôn thuộc huyện Mỹ Đức; 02 thôn thuộc huyện Hoài Đức, 01 thôn thuộc huyện Mê Linh; 02 thôn thuộc huyện Ba Vì.

(có danh sách thành lập 38 thôn, tổ dân phố mới kèm theo)

2. Thành lập 235 thôn, tổ dân phố mới trên cơ sở chia tách 70 thôn, tổ dân phố thuộc các quận Bắc Từ Liêm, Nam Từ Liêm và huyện Ba Vì, cụ thể:

- Thành lập 148 tổ dân phố mới trên cơ sở chia tách 41 tổ dân phố thuộc quận Bắc Từ Liêm;

- Thành lập 65 tổ dân phố mới trên cơ sở chia tách 22 tổ dân phố thuộc quận Nam Từ Liêm;

- Thành lập 22 thôn mới trên cơ sở chia tách 07 thôn thuộc huyện Ba Vì.

(có danh sách thành lập 235 thôn, tổ dân phố mới kèm theo)

Sau khi thực hiện việc thành lập 273 thôn, tổ dân phố nêu trên, thành phố Hà Nội có tổng số 7.949 thôn, tổ dân phố; trong đó có 2.537 thôn và 5.412 tổ dân phố.

Điều 2. Giao UBND thành phố Hà Nội:

1. Quyết định thành lập 273 thôn, tổ dân phố mới và chỉ đạo tổ chức, hoạt động các thôn, tổ dân phố mới theo quy định của pháp luật.

2. Chỉ đạo UBND cấp huyện, cấp xã tiếp tục làm tốt công tác tuyên truyền, phổ biến nghị quyết của Hội đồng nhân dân, các quyết định thành lập thôn, tổ dân phố để tạo sự thống nhất cao của nhân dân địa phương trong quá trình tổ chức thực hiện nghị quyết của HĐND Thành phố.

3. Chỉ đạo các sở, ngành Thành phố phối hợp chặt chẽ với UBND cấp huyện, cấp xã tạo điều kiện thuận lợi về thủ tục hành chính, giải quyết nhanh, gọn về điều chỉnh sổ hộ khẩu, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, đăng ký kinh doanh... của nhân dân nơi kiện toàn, thành lập mới thôn, tổ dân phố; phối hợp chặt chẽ với cấp ủy đảng, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội thực hiện việc kiện toàn đồng bộ các tổ chức trong hệ thống chính trị, đảm bảo quy định của pháp luật.

4. Trên cơ sở phân cấp kinh tế - xã hội, phân cấp ngân sách và nguồn lực, chỉ đạo UBND các quận, huyện quan tâm bố trí kinh phí hỗ trợ để đầu tư xây dựng, cải tạo các nhà văn hóa, địa điểm sinh hoạt cộng đồng phục vụ các hoạt động chung của thôn, tổ dân phố mới được thành lập.

5. Tiếp tục rà soát các thôn, tổ dân phố trên địa bàn các quận, huyện, thị xã, chỉ đạo kiên quyết việc thực hiện quản lý dân cư gắn với địa giới hành chính theo quy định của pháp luật.

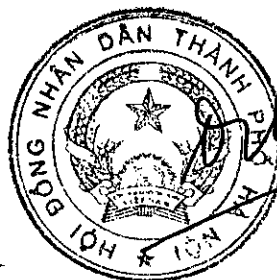
Điều 3. Giao Thường trực HĐND, các Ban, các Tổ đại biểu, Đại biểu HĐND Thành phố giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được HĐND thành phố Hà Nội khóa XIV, kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 02 tháng 12 năm 2014. /

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp;
- Ban công tác đại biểu Quốc hội;
- VP Quốc hội, VP chính phủ;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội Hà Nội;
- Thường trực Thành ủy; Thường trực HĐND TP;
- UBND, UBMT TQ Thành phố;
- Các Sở, Ban, Ngành, Đoàn thể Thành phố;
- Các vị đại biểu HĐND Thành phố;
- TH HĐND, UBND các quận, huyện, thị xã;
- VP TU, VP Đoàn ĐBQH&HĐND; VP UBND TP;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Ngô Thị Doãn Thanh



DANH SÁCH

Thành lập 235 thôn, tổ dân phố mới trên cơ sở chia tách 70 thôn, tổ dân phố
(Kèm theo Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 02 tháng 12 năm 2014 của HĐND Thành phố)

STT	Tên đơn vị hành chính/tên thôn, tổ dân phố thực hiện chia tách	Quy mô số hộ dân	Diện tích (ha)	Số lượng thôn, tổ dân phố mới	Thành lập thôn, tổ dân phố mới		
					Tên gọi tổ dân phố mới	Quy mô số hộ dân	Diện tích (ha)
1	2	3	4	5	6	7	8
I	Quận Nam Từ Liêm			65			
1	Phường Mỹ Trì			13			
1	Tổ dân phố số 4	755	14,87	2	Tổ dân phố số 3	320	6,61
					Tổ dân phố số 4	435	8,26
2	Tổ dân phố Mỹ Trì Thượng	2431	229,67	6	Tổ dân phố số 1 - Mỹ Trì Thượng	357	54,3
					Tổ dân phố số 2 - Mỹ Trì Thượng	459	7,8
					Tổ dân phố số 3 - Mỹ Trì Thượng	421	27,73
					Tổ dân phố số 4 - Mỹ Trì Thượng	435	75,6
					Tổ dân phố số 5 - Mỹ Trì Thượng	429	7,5
					Tổ dân phố số 6 - Mỹ Trì Thượng	330	56,74
3	Tổ dân phố Mỹ Trì Hạ	1867	99,74	5	Tổ dân phố số 1 - Mỹ Trì Hạ	480	9
					Tổ dân phố số 2 - Mỹ Trì Hạ	363	5,86
					Tổ dân phố số 3 - Mỹ Trì Hạ	404	36,03
					Tổ dân phố số 4 - Mỹ Trì Hạ	280	16,4
					Tổ dân phố số 5 - Mỹ Trì Hạ	340	32,45
2	Phường Phú Đô			6			
1	Tổ dân phố Phú Đô	2535	260,3	6	Tổ dân phố số 1	491	38,12
					Tổ dân phố số 2	508	71,04
					Tổ dân phố số 3	384	79,98
					Tổ dân phố số 4	487	19,76
					Tổ dân phố số 5	354	12,81
					Tổ dân phố số 6	311	38,59

STT	Tên đơn vị hành chính/tên thôn, tổ dân phố thực hiện chia tách	Quy mô số hộ dân	Diện tích (ha)	Số lượng thôn, tổ dân phố mới	Thành lập thôn, tổ dân phố mới		
					Tên gọi tổ dân phố mới	Quy mô số hộ dân	Diện tích (ha)
3	Phường Phương Canh			8			
1	Tổ dân phố Tu Hoàng	1008	96,9	3	Tổ dân phố số 1 - Tu Hoàng	309	17,76
					Tổ dân phố số 2 - Tu Hoàng	369	55,17
					Tổ dân phố số 8 - Tu Hoàng	330	23,97
2	Tổ dân phố Hòe Thị 1	986	142,06	3	Tổ dân phố số 3 - Hòe Thị	267	33,46
					Tổ dân phố số 4 - Hòe Thị	325	38,03
					Tổ dân phố số 5 - Hòe Thị	394	70,57
3	Tổ dân phố Hòe Thị 2	848	21,8	2	Tổ dân phố số 6 - Hòe Thị	432	6,15
					Tổ dân phố số 7 - Hòe Thị	416	15,65
4	Phường Mỹ Đình 2			10			
1	Tổ dân phố Phú Mỹ	4250	133,79	10	Tổ dân phố số 1 - Phú Mỹ	355	45
					Tổ dân phố số 2 - Phú Mỹ	271	9,2
					Tổ dân phố số 3 - Phú Mỹ	587	18,43
					Tổ dân phố số 4 - Phú Mỹ	526	9,5
					Tổ dân phố số 5 - Phú Mỹ	349	6,7
					Tổ dân phố số 6 - Phú Mỹ	567	7,59
					Tổ dân phố số 7 - Phú Mỹ	505	5,67
					Tổ dân phố số 8	317	19,11
					Tổ dân phố số 9	365	3,2
					Tổ dân phố số 10	408	9,39
5	Phường Xuân Phương			6			
1	Tổ dân phố Thị Cẩm	979	140,6	3	Tổ dân phố số 1	401	35,43
					Tổ dân phố số 3	262	80,67
					Tổ dân phố số 4	316	20,48
					Chuyển 4,02 ha đất nông nghiệp về thuộc tổ dân phố số 2		4,02

STT	Tên đơn vị hành chính/tên thôn, tổ dân phố thực hiện chia tách	Quy mô số hộ dân	Diện tích (ha)	Số lượng thôn, tổ dân phố mới	Thành lập thôn, tổ dân phố mới		
					Tên gọi tổ dân phố mới	Quy mô số hộ dân	Diện tích (ha)
2	Hợp nhất Tổ dân phố 20 và Tổ dân phố Ngọc Mạch để chia tách thành 03 tổ dân phố mới	1062	148,51	3	Tổ dân phố số 5	327	8,9
					Tổ dân phố số 6	359	108,19
					Tổ dân phố số 7	376	31,42
6	Phường Trung Văn						
1	Tổ dân phố Phùng Khoang	1197	26,7	3	Tổ dân phố số 3 - Phùng Khoang	363	5,4
					Tổ dân phố số 4 - Phùng Khoang	395	10,6
					Tổ dân phố số 5 - Phùng Khoang	439	10,7
2	Tổ dân phố Trung Văn	1273	120,6	2	Tổ dân phố số 17 - Trung Văn	646	65,9
					Tổ dân phố số 18 - Trung Văn	627	54,7
7	Phường Tây Mỗ						
1	Tổ dân phố Miêu Nha 1	952	87,77	2	Tổ dân phố số 1 - Miêu Nha	445	41,78
					Tổ dân phố số 4 - Miêu Nha	507	45,99
8	Phường Đại Mỗ						
1	Tổ dân phố Đình	852	81,95	2	Tổ dân phố số 1 - Đình	425	13,7
					Tổ dân phố số 2 - Đình	427	15,9
					Còn lại 52,35 ha đất nông nghiệp do phường quản lý		52,35
2	Tổ dân phố Ngọc Trục	1144	130,59	2	Tổ dân phố số 1 - Ngọc Trục	623	60,6
					Tổ dân phố số 2 - Ngọc Trục	521	57,1
					Còn lại 12,89 ha đất nông nghiệp do phường quản lý		12,89
9	Phường Cầu Diễn						
1	Hợp nhất tổ dân phố số 15,16,17,18, Khu liên cơ quan, Khu K40, Khu đất nông nghiệp giáp tổ 18, Khu X1, Khu nhà thu nhập thấp 6 tầng để chia tách thành 03 tổ dân phố mới	1239	32,2	3	Tổ dân phố số 1	368	17,4
					Tổ dân phố số 2	438	5,86
					Tổ dân phố số 3	433	8,94

STT	Tên đơn vị hành chính/tên thôn, tổ dân phố thực hiện chia tách	Quy mô số hộ dân	Diện tích (ha)	Số lượng thôn, tổ dân phố mới	Thành lập thôn, tổ dân phố mới		
					Tên gọi tổ dân phố mới	Quy mô số hộ dân	Diện tích (ha)
6	Phường Xuân Đình			24			
1	Tổ dân phố Trung	2.677	127,50	8	Tổ dân phố Trung 1	290	5,80
					Tổ dân phố Trung 2	307	7,30
					Tổ dân phố Trung 3	436	18,20
					Tổ dân phố Trung 4	281	8,60
					Tổ dân phố Trung 5	317	10,50
					Tổ dân phố Trung 6	424	5,30
					Tổ dân phố Xuân Trung	342	7,00
					Tổ dân phố Nam Thăng Long	280	64,80
2	Tổ dân phố Nhạng	843	43,70	2	Tổ dân phố Xuân Nhạng 1	424	9,10
					Tổ dân phố Xuân Nhạng 2	419	34,60
3	Tổ dân phố Lộc	1.439	43,90	5	Tổ dân phố Xuân Lộc 1	360	5,00
					Tổ dân phố Xuân Lộc 2	339	11,30
					Tổ dân phố Xuân Lộc 3	298	6,70
					Tổ dân phố Xuân Lộc 4	190	2,90
					Tổ dân phố Xuân Lộc 5	252	18,00
4	Tổ dân phố Cáo Đình (1858 hộ) và một phần tổ dân phố Tân Xuân (46 hộ)	1.904	39,80	4	Tổ dân phố Cáo Đình 1	490	14,3
					Tổ dân phố Cáo Đình 2	480	5,3
					Tổ dân phố Cáo Đình 3	438	4,8
					Tổ dân phố Cáo Đình 4	496	15,40
5	Tổ dân phố Tân Xuân (2164 hộ), sau khi điều chỉnh một phần (46 hộ) sang Tổ dân phố Cáo Đình còn lại là 2.118 hộ	2.118	97,30	5	Tổ dân phố Tân Xuân 1	485	30,40
					Tổ dân phố Tân Xuân 2	429	13,30
					Tổ dân phố Tân Xuân 3	330	0,30
					Tổ dân phố Tân Xuân 4	376	7,00
					Tổ dân phố Tân Xuân 5	498	46,30
7	Phường Xuân Tảo			8			
1	Tổ dân phố Đông	2.745	226,31	8	Tổ dân phố số 1	379	54,53
					Tổ dân phố số 2	399	8,73
					Tổ dân phố số 3	421	10,47
					Tổ dân phố số 4	491	5,87
					Tổ dân phố số 5	256	3,97
					Tổ dân phố số 6	271	3,65
					Tổ dân phố số 7	260	1,51
					Tổ dân phố số 8	268	137,58

STT	Tên đơn vị hành chính/tên thôn, tổ dân phố thực hiện chia tách	Quy mô số hộ dân	Diện tích (ha)	Số lượng thôn, tổ dân phố mới	Thành lập thôn, tổ dân phố mới		
					Tên gọi tổ dân phố mới	Quy mô số hộ dân	Diện tích (ha)
8	Phường Minh Khai			13			
1	Tổ dân phố Phúc Lý	1.231	173,34	4	Tổ dân phố Phúc Lý 1	250	96,09
					Tổ dân phố Phúc Lý 2	430	26,06
					Tổ dân phố Phúc Lý 3	300	25,38
					Tổ dân phố Phúc Lý 4	251	25,81
2	Tổ dân phố Văn Trì	1.138	184,66	4	Tổ dân phố Văn Trì 1	255	78,70
					Tổ dân phố Văn Trì 2	282	30,86
					Tổ dân phố Văn Trì 3	316	54,52
					Tổ dân phố Văn Trì 4	285	20,58
3	Tổ dân phố Ngọa Long	568	26,26	2	Tổ dân phố Ngọa Long 1	290	6,88
					Tổ dân phố Ngọa Long 2	278	19,38
4	Tổ dân phố Nguyên Xá	1.155	101,65	3	Tổ dân phố Nguyên xá 1	427	7,94
					Tổ dân phố Nguyên xá 2	393	60,28
					Tổ dân phố Nguyên Xá 3	335	33,43
9	Phường Cổ Nhuế 1			20			
1	Tổ dân phố Hoàng 1	1.222	25,38	3	Tổ dân phố Hoàng 7	503	5,12
					Tổ dân phố Hoàng 8	360	15,29
					Tổ dân phố Hoàng 9	359	4,97
2	Tổ dân phố Hoàng 2	1.206	33,58	3	Tổ dân phố Hoàng 10	490	24,17
					Tổ dân phố Hoàng 11	360	3,36
					Tổ dân phố Hoàng 15	356	6,05
3	Tổ dân phố Hoàng 3 + một phần tổ 8 Thị trấn Cầu Diễn trước đây chuyển về + một phần thôn Đồng 1 xã Cổ Nhuế cũ	1.184	86,75	4	Tổ dân phố Hoàng 12	270	4,99
					Tổ dân phố Hoàng 13	295	3,04
					Tổ dân phố Hoàng 14	329	12,45
					Tổ dân phố Hoàng 20	290	66,27
4	Tổ dân phố Hoàng 4	1.821	26,70	4	Tổ dân phố Hoàng 1	455	0,94
					Tổ dân phố Hoàng 2	455	13,87
					Tổ dân phố Hoàng 3	456	7,53
					Tổ dân phố Hoàng 4	455	4,36
5	Tổ dân phố Hoàng 5	1.574	30,91	4	Tổ dân phố Hoàng 5	325	3,95
					Tổ dân phố Hoàng 6	392	14,43
					Tổ dân phố Hoàng 18	431	5,02
					Tổ dân phố Hoàng 19	426	7,51
6	Tổ dân phố Hoàng 6	1.227	8,28	2	Tổ dân phố Hoàng 16	614	2,61
					Tổ dân phố Hoàng 17	613	5,67

STT	Tên đơn vị hành chính/ Tên khu vực dân cư	Số lượng thành lập mới	Thành lập thôn, tổ dân phố mới		
			Tên gọi thôn, tổ dân phố mới	Số hộ dân	Diện tích (ha)
2	Phường Việt Hưng	1			
	Lô CT17 (Dự án Green house) và Lô HH05 dự án PalmGarden), đô thị Việt Hưng		Tổ dân phố 14	223	7.3
3	Phường Phúc Đồng	2			
	03 Tòa nhà N012.3, N03A-1, N03A-2 và toàn bộ các biệt thự từ đường Huỳnh Văn Nghệ đến đường dẫn Cầu Vĩnh Tuy		Tổ dân phố 13	236	13.65
	Tòa nhà N017-1, N017-2, N017-3, No8A-1 và toàn bộ các biệt thự từ đường Huỳnh Văn Nghệ đến hết địa giới hành chính phường Phúc Đồng		Tổ dân phố 18	220	2.62
IV	Quận Hai Bà Trưng	10			
1	Phường Phạm Đình Hổ	1			
1	Khu chung cư số 93 phố Lò Đúc		Tổ dân phố số 10	175	0,315
2	Phường Vĩnh Tuy	9			
	Tòa nhà T1 Khu đô thị Time City		Tổ dân phố 23A	233	4.1
	Tòa nhà T2 Khu đô thị Time City		Tổ dân phố 23B	261	4.67
	Tòa nhà T3 Khu đô thị Time City		Tổ dân phố 23C	278	4.67
	Tòa nhà T4 Khu đô thị Time City		Tổ dân phố 23D	289	4.1
	Tòa nhà T5 Khu đô thị Time City		Tổ dân phố 23E	296	3.82
	Tòa nhà T6 Khu đô thị Time City		Tổ dân phố 23F	261	3.82
	Tòa nhà T7 Khu đô thị Time City		Tổ dân phố 23G	262	3.82
	Tòa nhà T10 Khu đô thị Time City		Tổ dân phố 23H	150	4.37
	Tòa nhà số 25 phố Lạc Trung		Tổ dân phố 3E	162	0.6

STT	Tên đơn vị hành chính/ Tên khu vực dân cư	Số lượng thành lập mới	Thành lập thôn, tổ dân phố mới		
			Tên gọi thôn, tổ dân phố mới	Số hộ dân	Diện tích (ha)
V	Quận Cầu Giấy	2			
1	Phường Dịch Vọng	2			
	Tòa tháp Đông và tháp Tây Tòa nhà 28 tầng thuộc khu Lăng Quốc Tế Thăng Long		Tổ dân phố số 6	229	1,37
	02 Tòa nhà chung cư N07B2 và N07B3 thuộc khu đô thị Dịch Vọng		Tổ dân phố số 35	151	2,42
VI	Quận Hà Đông	4			
1	Phường Mộ Lao	4			
	Khu vực dân cư ở Khu Chung cư Bắc Hà, Khu nhà ở liền kề Bắc Hà		Tổ dân phố số 13	438	3
	Làng Việt Kiều Châu Âu, Khu nhà ở liền kề Cục Ma túy C17 Bộ Công an		Tổ dân phố số 14	420	16,3
	Khu chung cư Euroland (TSQ); Khu nhà ở liền kề Sơn Tùng		Tổ dân phố số 15	520	1
	Khu đất giãn dân 1 và khu giãn dân 2 và khu tái định cư		Tổ dân phố số 16	276	7
VII	Huyện Mỹ Đức	2			
1	Xã Tuy Lai	1			
	Khu vực đất giãn dân thuộc xã Tuy Lai		Thôn Giữa Quýt 4	204	30,96
2	Xã Hợp Thanh				
	Khu vực dân cư xóm 19 – Khu vực dân cư có vị trí biệt lập đặc thù	1	Thôn Vải Mới	145	50,217
VIII	Huyện Hoài Đức	2			
1	Xã An Khánh	2			
1	Khu tập thể nông trường An Khánh		Thôn Trường An	300	8
2	Khu Tập thể Nhà máy thông tin M1 và khu tập thể kho K92		Thôn An Bình	226	3,6
IX	Huyện Mê Linh	1			
1	Xã Tiên Phong	1			
	Khu vực dân cư ở phố Yên		Thôn Phố Yên	410	37,74

STT	Tên đơn vị hành chính/ Tên khu vực dân cư	Số lượng thành lập mới	Thành lập thôn, tổ dân phố mới		
			Tên gọi thôn, tổ dân phố mới	Số hộ dân	Diện tích (ha)
X	Huyện Ba Vì	2			
1	Xã Ba Trại	1			
	Cụm Lâm nghiệp – Lâm trường Ba Vì		Thôn Lâm nghiệp	138	120,2
2	Xã Tân Lĩnh	1			
	Xóm 3 và xóm 4 của Trung tâm nghiên cứu Bò và đồng cỏ Ba Vì		Thôn Việt Long	408	124,16
XI	Quận Nam Từ Liêm	4			
1	Phường Trung Văn	2			
	Khu đô thị mới Trung Văn		Tổ dân phố số 12	423	10,39
	Tòa nhà CT 2 (gồm 2 khối nhà 22 tầng) - Khu đô thị mới Trung Văn		Tổ dân phố số 13 - CT2	296	0,98
2	Phường Tây Mỗ	1			
	Khu đô thị Dream Town		Tổ dân phố số 6	287	3,70
3	Phường Cầu Diễn	1			
	Tòa nhà A1, A2, A3 và khu thấp tầng nhà A - Khu đô thị Mỹ Đình 1		Tổ dân phố số 6	292	4,04
	Tổng số	38			